

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M L
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

=== *&*===

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

----- *&*-----

Bản án số: 274 /2020/NHGD-ST

Ngày 22 /10 /2020

V/v ly hôn giữa anh D và chị T

NHÂN DANH

**N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M L - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên Tòa: Bà Lương Thị Diệu Kim

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Lan

Ông Nguyễn Văn Cử

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hạnh- Thư ký TAND huyện M L- thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M L tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hương Mai- Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 10 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp xin ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2020/QĐXX- ST ngày 9 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn D- SN 1980

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị T- SN 1984

Đều trú tại: thôn V, xã T, huyện M L, TP. Hà Nội

***Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Luật sư Ngô Văn Thanh – Công ty luật Hợp Danh The Light.

Địa chỉ Tầng 8, Tòa nhà CTM số 299 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội.

(Tại phiên tòa anh D, chị T có mặt; Luật sư Thanh có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1/ *Tại Đơn khởi kiện ngày 25/5/2020, bổ sung ngày 2/7/2020 bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:*

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T năm 2003, vợ chồng có được tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, cưới xong vợ chồng ở nhà ngoại một thời gian sau đó chuyển về sinh sống tại nhà bố mẹ anh. Trong quá trình chung sống vợ chồng đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T ghen

tuông đến chỗ anh làm việc có lời nói với khách hàng, đối tác làm ăn với anh làm ảnh hưởng đến công việc của anh. Chị T đến chỗ anh gây ảnh hưởng đến công việc của anh chỉ xảy ra một lần còn ngoài ra gọi điện chửi, nhắn tin cho họ thì nhiều lần. Hơn nữa anh không còn tình cảm yêu thương chị T nên dẫn đến vợ chồng ly thân không còn quan hệ tình cảm từ tháng 4/2018 đến nay mặc dù vẫn sống chung nhà. Từ khi Tòa án giải quyết chị T có gặp anh hai lần để nói chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh không đồng ý, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

*Về con chung: Có 02 con Nguyễn Duy Kh, sinh ngày 19/01/2006 và Nguyễn Ngọc Phương A, sinh ngày 17/9/2007. Khi ly hôn anh xin nuôi cả hai con và không yêu cầu chị T phải đóng góp nuôi con, nếu không được thì anh xin nuôi con Kh để chị T nuôi con Phương A.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ:

Trong quá trình Tòa án giải quyết, anh D đề nghị giải quyết tài sản gồm:

- Ngôi nhà 03 tầng
- DT 54m2 đất trong tổng DT 108m2 đất, địa chỉ tại thôn V, xã T, huyện M L và một số công nợ.

Ngày 9/10/2020, anh D có đơn rút yêu cầu đề nghị Tòa án không giải quyết tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng.

2/ Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn đúng như anh D đã trình bày, tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn do anh D có quan hệ tình cảm với những người phụ nữ khác, về nhà gây sự chửi bới đánh chị, đòi bỏ chị nhưng chị không có bằng chứng tài liệu gì nên coi như chị không biết, chị không quan tâm anh D ở ngoài làm gì, anh muốn đi đâu thì đi để chị ở lại nhà nuôi các con không đòi hỏi gì ở anh. Anh D đòi ly hôn với lý do chị ghen tuông đến chỗ làm của anh làm ảnh hưởng đến công việc của anh là không đúng, chị không hề nhắn tin chửi bới bạn bè anh D. Anh D là người có lỗi trong việc gây ra mâu thuẫn của vợ chồng còn bản thân chị luôn chu toàn mọi việc trong gia đình. Chị không đồng ý ly hôn là vì chị còn tình cảm yêu thương anh, chị muốn vợ chồng chung sống hạnh phúc vì các con, để các con có đầy đủ bố mẹ được cả bố mẹ chăm sóc.

Mỗi một lần làm việc ở tòa về chị đều gặp anh D để trao đổi hàn gắn quan hệ vợ chồng ít nhất là 04 lần nhưng kết quả anh D không đồng ý. Chị cũng xác định vợ chồng sống ly thân không quan hệ tình cảm từ tháng 4/2018 cho đến nay nhưng vẫn sống cùng nhà, chị đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, chị cố gắng làm mọi cách vun vén gia đình để anh D quay về với vợ con.

Ngày 20/10/2020, chị T cung cấp cho Tòa án đơn đề nghị của 18 người là họ hàng thân thích của anh D xác nhận chị là người vợ, người mẹ chu toàn với gia đình, chăm sóc chồng con chu đáo, đối nội đối ngoại với gia đình nhà chồng rất tốt, không có lỗi gì trong việc anh D xin ly hôn, đề nghị Tòa án tạo cơ hội cho anh chị đoàn tụ nuôi dạy các con.

* Con chung:

Nếu ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh D phải đóng góp nuôi con còn đâu do lương tâm của anh đối với các con.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ:

Trong quá trình hòa giải chị T cũng đề nghị giải quyết tài sản gồm:

Ngôi nhà 03 tầng; 02 mảnh đất thổ cư đã được cấp giấy CNQSDĐ đứng tên anh D; xe máy Lead; ô tô Gate mua năm 2016 đã bán năm 2020 và công nợ.

Ngày 9/10/2020, chị T cũng có quan điểm đề nghị Tòa án không giải quyết tài sản chung, công sức, công nợ chung của vợ chồng.

Tại phiên toà anh D vẫn giữ quan điểm xin ly hôn chị T và không đề nghị giải quyết về tài sản, công sức, công nợ. Về con chung mỗi người nuôi một con. Chị T không đồng ý ly hôn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh D có quan điểm:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a.1 Điều 8 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D đối với chị T. Con chung mỗi người nuôi một con, giao cho anh D được nuôi cháu Kh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M L phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tại phiên toà. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Điều 51,56, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147,271,273, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc thu nộp án phí,lệ phí Tòa án.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh D và chị T không còn, sống ly thân từ tháng 4/2018; vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, chị T đã dùng nhiều biện pháp hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả do đó đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D, cho anh D được ly hôn chị T; con chung giao cho anh D nuôi cháu Kh, chị T nuôi cháu Phương A.

Về án phí anh D phải chịu theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đ- ọc thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Dt khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về con chung với chị Nguyễn Thị T, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T là bị đơn hiện đang cư trú tại thôn V- xã T- huyện M L- Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện M L theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được chính quyền UBND xã T- M L- Hà Nội công nhận đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Theo trình bày của anh D, cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2017, nguyên nhân do chị T ghen tuông làm ảnh hưởng đến công việc của anh, anh không còn tình cảm yêu thương chị T và vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2018.

Phía chị T không đồng ý ly hôn vì chị vẫn còn tình cảm yêu thương anh D, do anh D có người phụ nữ khác nên về đòi bỏ chị, bản thân chị không có lỗi gì vẫn chu toàn mọi việc gia đình và hơn nữa là vì các con, chị sẽ cố gắng làm mọi cách từ hoàn thiện mình đến kiếm tiền để lo cho gia đình.

Hội đồng xét xử nhận thấy qua xác minh tại thôn cũng như đề nghị của các anh em họ hàng anh D đều cho thấy chị T là người rất yêu thương chồng con, có trách nhiệm vun vén gia đình, đối xử với gia đình chồng, họ hàng làng xóm đúng mực được mọi người yêu quý. Trong cuộc sống mọi người đều thấy anh chị không có điều tiếng gì, sống hạnh phúc, hiện anh chị vẫn chung sống cùng nhà, chị T thiết tha xin đoàn tụ vì chị còn yêu chồng và vì các con được sống trong gia đình có đủ bố mẹ nên cần tạo điều kiện thêm về thời gian để chị T hàn gắn tình cảm vợ chồng do đó cần bác yêu cầu xin ly hôn của anh D.

Đơn yêu cầu xin ly hôn của anh D không được chấp nhận nên không đặt ra vấn đề giải quyết con chung.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh D phải chịu theo quy định của pháp luật, hoàn trả anh D tiền tạm ứng án phí chia tài sản. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51,56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc thu nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Xử.

1. Về hôn nhân: Bác yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn D đối với chị Nguyễn Thị T

2. Về án phí ly hôn: Anh Nguyễn Văn D phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009550 ngày 28/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh. Hoàn trả anh D 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tạm ứng án phí chia tài sản theo biên lai số 0009664 ngày 16/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M L.

3. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 này kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- VKSND Mê Linh
- Chi cục THA Mê Linh
- Các đ-ơng sự
- UBND xã Tam Đồng
- L- u HS, VP..

Lương Thị Diệu Kim

